TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BẮC TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **270**/2023/HS-ST
Ngày: 08 - 11 - 2023

TRÍCH LỤC BẢN ÁN HÌNH SỰ

Ngày 08 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 252/2023/TLST-HS ngày 03 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 292/2023/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 39/2023/HS-QĐ ngày 31/10/2023 đối với các bị cáo:

1. **Phương Trường A**, sinh ngày 03/8/2006 tại Thành phố U (thời điểm phạm tội bị cáo 16 tuổi, 02 tháng, 12 ngày); ĐKHKTT: Tổ 16, cụm 2, phường B, quận C, Thành phố U; cư trú: Số 4, ngách 603/24 D, phường B, quận C, Thành phố U; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phương Tuấn E và bà Nguyễn Thị F; gia đình bị cáo có hai anh em, bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 28/3/2022, Công an quận C, Thành phố U xử phạt "Cảnh cáo" về hành vi "mang theo vũ khí thô sơ trong người nhằm mục đích đánh gây thương tích cho người khác". Đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 137 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Ngày 26/4/2023, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G, Thành phố U khởi tố vụ án "Gây rối trật tự công cộng" xảy ra ngày 18/4/2023 tại phường Mai Dịch, G, Thành phố U; ngày 12/9/2023 khởi tố bị can đối với Phương Trường A về tội "Gây rối trật tự công cộng" quy định tại khoản 2 Điều 318 Bộ luật Hình sự; hiện cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G đang điều tra vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đầu thú ngày 03/8/2023; tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2023; hiện đang giam tại Trại giam số 1 Công an Thành phố U; có mặt.

2. **Trương Công H**, sinh năm 2003 tại tỉnh I; ĐKHKTT: Thôn K, xã L, huyện M, tỉnh I; cư trú: Số 113, ngõ 37 phường N, quận G, Thành phố U; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương P và bà Trương Q; Gia đình bị cáo có bốn chị em, bị cáo là con thứ ba; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 14/9/2022 Công an quận T, Thành phố U xử phạt hành chính số tiền 4.000.000 đồng về hành vi "Mang theo vũ khí thô sơ nhằm mục đích cố ý

gây thương tích cho người khác"; đã nộp phạt ngày 19/9/2022; chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Nhân thân: Ngày 09/10/2020, UBND quận W, Thành phố U xử phạt hành chính số tiền 7.500.000 đồng về hành vi "Mua, bán, vận chuyển, tàng trữ vũ khí thô sơ, công cụ hỗ trợ mà không có giấy phép"; đã nộp phạt ngày 9/11/2020; đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Bị can bị bắt tạm giam ngày 01/3/2023; hiện đang giam tại Trại tạm giam số I Công an Thành phố Hà Nội; có mặt.

3. **Nguyễn Nam R**, sinh năm 2002 tại Thành phố U; ĐKHKTT và ở: Số 82A, ngõ 44 T, tổ 19, phường Y, quận G, Thành phố U; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Z và bà Đặng Thị X; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

4. **Nguyễn Đức A1**, sinh ngày 09/7/2006 tại Thành phố U (thời điểm phạm tội bị cáo 16 tuổi, 03 tháng, 06 ngày); ĐKHKTT và ở: Số 54 ngõ 43 Q1, tổ 9, phường Y, quận G, Thành phố U; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn W1 và bà Nguyễn Thị E1; gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Nguyễn Đức A1 bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận G, Thành phố U khởi tố vụ án "Gây rối trật tự công cộng" xảy ra ngày 18/4/2023 tại phường Mai Dịch, G, Thành phố U; hiện bị cáo đang bị tạm giữ theo Quyết định tạm giữ số 372/QĐ-CQĐT-CSHS ngày 30/10/2023 của Công an quận G, Thành phố U; có mặt.

5. **Phạm Ngọc R1**, sinh ngày 09 tháng 4 năm 2005 tại Thành phố U (tại thời điểm phạm tội bị cáo 17 tuổi, 06 tháng, 06 ngày); ĐKHKTT: Tổ 16, phường Y, quận G, Thành phố U; Nơi ở hiện nay: Số 10, ngách 58/45, ngõ 58 đường T1, phường Y1, quận G, Thành phố U; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn U1 và bà Nguyễn Thị Mai I1; Gia đình bị cáo có bị cáo là con duy nhất.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn "Cấm đi khỏi nơi cư trú"; có mặt.

** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Phương Trường A đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.*

- Ông Phương Tuấn E, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 10 ngách 569/12 D,

phường B, quận C, Thành phố U;

- Bà Nguyễn Thị F, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số 4, ngách 603/24 D, phường B, quận C, Thành phố U.

(Là bố mẹ đẻ A; cùng có mặt tại phiên tòa).

** Người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Đức A1 đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.*

- Ông Nguyễn W1, sinh năm 1983;
- Bà Nguyễn Thị E1, sinh năm 1985;

Là bố mẹ đẻ A1; cùng địa chỉ: Tổ 9 phường Y, quận G, Thành phố U;

(ông W1 có mặt tại phiên tòa).

** Người bào chữa cho các bị cáo Phương Trường A, Nguyễn Đức A1*:

Ông Bạch O1- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố U; có mặt.

**** Bị hại***: Anh Nguyễn Ngọc Gia P1, sinh ngày 31/7/2006;

- *Người đại diện hợp pháp của anh P1*:

+ Ông Nguyễn Chí S1, sinh năm 1973;

+ Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1974;

Là bố mẹ đẻ anh P1; cùng địa chỉ: Số 408 đường F1, phường G1, quận H1, Thành phố U; có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Anh Nguyễn Thái H1, sinh năm 2003; địa chỉ: Số 6 ngõ J1, phường K1, quận L1, Thành phố U; vắng mặt.

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BẮC TỪ LIÊM QUYẾT ĐỊNH:

I. *Về tội danh*: Tuyên bố các bị cáo **Phương Trường A, Trương Công H, Nguyễn Nam R, Nguyễn Đức A1, Phạm Ngọc R1** phạm tội "Cố ý gây thương tích".

II. *Về điều luật áp dụng và hình phạt*

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Phương Trường A 24** (hai mươi tư) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 03/8/2023.

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38, Điều 58, Điều 54 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Trương Công H 22** (hai mươi hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam là ngày 01/3/2023.

3. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 58, Điều 54, Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Nam R 22** (hai mươi hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **44** (bốn mươi bốn) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Nam R cho UBND phường Y, quận G, Thành phố U giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

4. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 91, Điều 101, Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Đức A1 19** (mười chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày thi hành án.

5. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Ngọc R1 17** (mười bảy) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là **34** (ba mươi tư) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Phạm Ngọc R1 cho UBND phường Y1, quận G, Thành phố U giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án Hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

III. *Về trách nhiệm dân sự:* Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 288, Điều 586, Điều 587 Bộ luật Dân sự

- Buộc ông Phương Tuấn E và bà Nguyễn Thị F (bố mẹ đẻ Phương Trường A) phải trả các bị cáo Trương Công H, Nguyễn Nam R 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Trong đó phải trả bị cáo Trương Công H 27.500.000 đồng, phải trả bị cáo Nguyễn Nam R 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Đã trả bị cáo Trương Công H 20.000.000 đồng, còn phải trả tiếp cho bị cáo Huỳnh 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Buộc ông Nguyễn W1 và bà Nguyễn Thị E1 (bố mẹ đẻ bị cáo Nguyễn Đức A1) phải trả bị cáo Nguyễn Nam R 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng). Hai bên đã giao nhận xong số tiền này.

- Buộc bị cáo Phạm Ngọc R1 phải trả bị cáo Nguyễn Nam R 10.000.000 đồng (mười triệu đồng). Hai bên đã giao nhận cho nhau xong số tiền này.

IV. *Về án phí:* Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Các bị cáo Phương Trường A, Trương Công H, Nguyễn Nam R, Nguyễn Đức A1, Phạm Ngọc R1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Ông Phương Tuấn E và bà Nguyễn Thị F (bố mẹ đẻ Phương Trường A) phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người có quyền yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

V. *Về quyền kháng cáo:* Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa của bị cáo Phương Trường A, Nguyễn Đức A1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại là anh Nguyễn Ngọc Gia P1 và người đại diện hợp pháp của anh P1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Nguyễn Thái H1 có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Trường hợp bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố U;
- VKSND Thành phố U;
- Sở Tư pháp Thành phố U;
- VKSND Q.Bắc Từ Liêm;
- Công an Q.Bắc Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q.Bắc Từ Liêm;
- Bị cáo;
- Bị hại;
-Người liên quan
- Lưu HS - VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA